



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC YẾU TỐ RỦI RO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.
CÁC CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN CHUNG

NHA TRANG SEAFOODS

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
Tên tiếng Anh	: NHA TRANG SEAPRODUCT COMPANY
Tên viết tắt	: NHA TRANG SEAFOODS
Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp	: Số 4200567428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06/08/2004
Trụ sở chính	: Số 58B đường Hai Tháng Tư – phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh hòa
Vốn điều lệ	: 188.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 188.000.000.000 đồng
Điện thoại	: 0583.831.033
Fax	: 0583.831.034
Website	: www.nhatrangseafoods.vn
Email	: nhatrangseafoods@nhatrangseafoods.vn
Mã chứng khoán	: F17

LỊCH SỬ

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20/07/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.



MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU



2004-2007	2007-2011	2008-2012	2013-đến nay
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 thông qua ngày 04/08/2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua ngày 27/03/2007.	Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.	Từ những năm đầu thành lập còn nhiều khó khăn và qua những năm 2008 – 2012 khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng bằng lao động sáng tạo của tập thể CB.CNV đã vượt qua khó khăn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phát huy thành tích đạt được, toàn thể CB.CNV Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 đã ra sức làm việc có hiệu quả để tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.	Đến nay, các nhà máy được trang bị công nghệ hiện đại, đã đạt tiêu chuẩn sản xuất, xuất khẩu mặt hàng thủy sản đông lạnh cho các khách hàng lớn như Walmart, các thị trường đòi hỏi quy cách và chất lượng cao như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... Công ty đã tạo dựng được uy tín và quan hệ lâu dài với các khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty luôn làm hài lòng khách hàng

Mốc sự kiện	Sự kiện tiêu biểu
08/2004	Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods –F17 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang
2009	Được bình chọn là một trong 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2009
2010	Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế công nhận doanh nghiệp đạt Giải thưởng Cúp vàng Hội nhập kinh tế quốc tế lần 2
2004 – 2013	Liên tục nhận được danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín
2013	Công ty được công nhận trong top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
2014	Công ty được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2014

NGÀNH NGHỀ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty có ba nhà máy chế biến thủy sản đặt tại thành phố Nha Trang đã được cấp code DL17, DL90 và DL394 xuất khẩu và thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu, Úc, Hàn Quốc...; ba siêu thị bán các mặt hàng thực phẩm thủy sản nội địa; và một nhà hàng Nha Trang Seafoods



TÔM CÁC LOẠI

TÔM THẺ CHÂN TRẮNG

TÔM LĂN BỘT

TÔM CHIÊN XÙ

TÔM SÚ

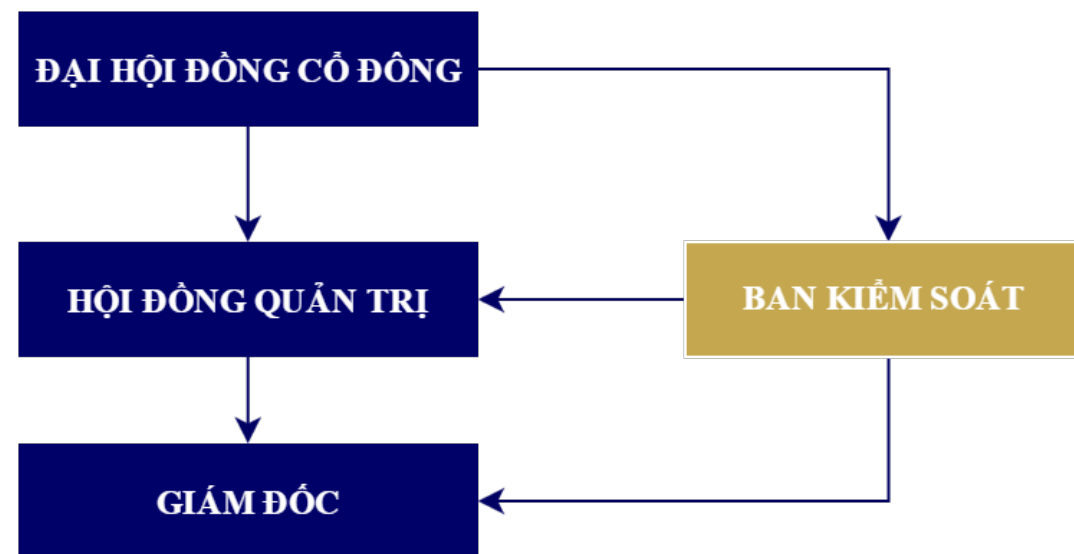
CÁC LOẠI CÁ



MÔ HÌNH

QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



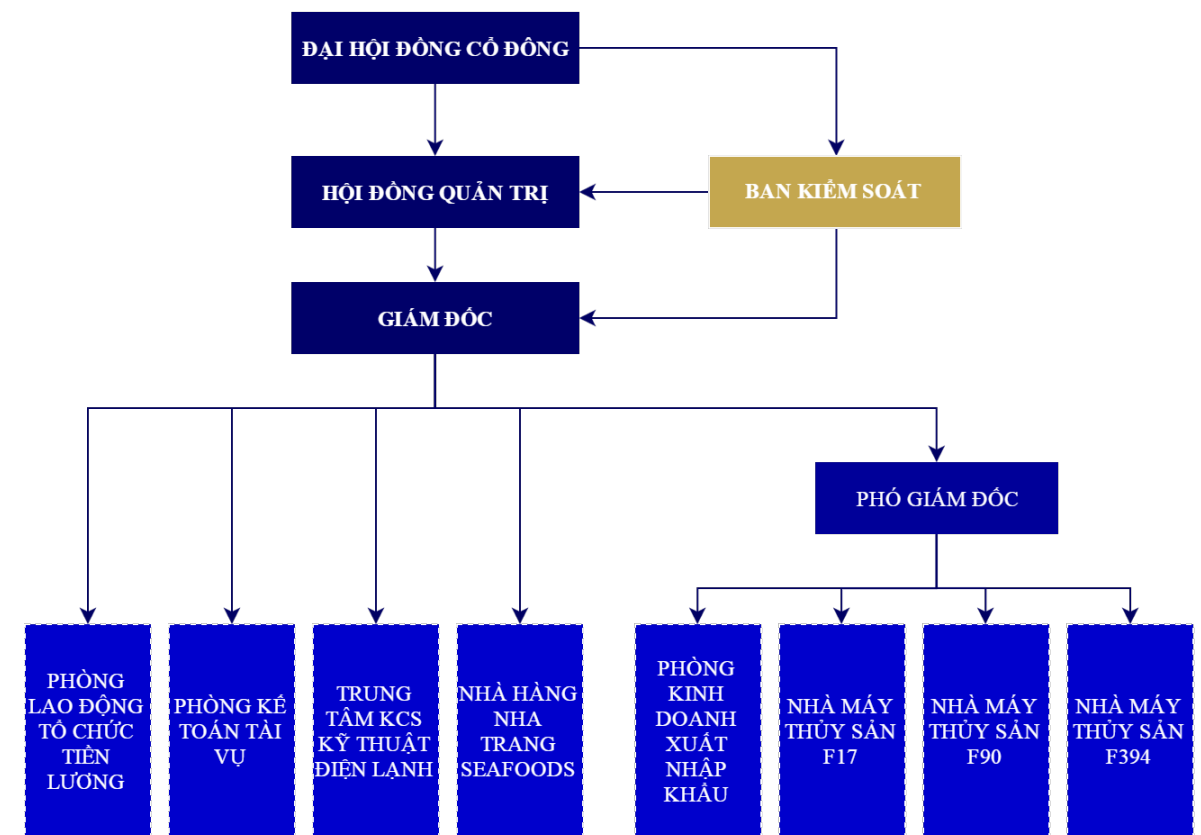
Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các văn bản pháp luật chi phối bao gồm: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

BAN KIỂM SOÁT: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.



Công ty gồm có Giám đốc, Phó Giám đốc, 04 phòng ban chức năng và 04 đơn vị trực thuộc như sau:

- Phòng Tổ chức – Lao động tiền lương:** có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến việc quản lý nhân sự của Công ty như: công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, điều chuyển nhân viên; công tác giải quyết chính sách chế độ và các hoạt động phúc lợi khác phục vụ cho người lao động.
- Phòng Kế toán tài vụ:** có nhiệm vụ quản lý điều hành công tác thu chi, quyết toán tài chính toàn Công ty theo đúng Luật Kế toán Việt Nam; tập hợp chứng từ của các nhà máy và hạch toán lãi lỗ định kỳ hàng tháng, quý năm theo quy định chung; thực hiện các công tác quản lý tài chính khác theo yêu cầu của Giám đốc Công ty.
- Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu:** có nhiệm vụ tìm kiếm và phát triển thị trường; giao dịch với khách hàng; lập hợp đồng và tham mưu cho Giám đốc việc ký kết các hợp đồng mua bán; lập các chứng từ thủ tục hải quan để xuất hàng; quản lý và điều hành hiệu quả các phương tiện đáp ứng nhu cầu bảo quản và vận chuyển hàng hóa như kho lạnh, xe tải lạnh.
- Trung tâm KCS – Kỹ thuật điện lạnh:** gồm một phân xưởng Cơ điện lạnh và ba phòng ban, có nhiệm vụ điều hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm; xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy trình sản xuất sản phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng đề ra; quản lý công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm.
- Các nhà máy chế biến thủy sản gồm Nhà máy thủy sản F17, F90 và F394.** Cả hai Nhà máy thủy sản F17 và F90 đều có nhiệm vụ chính như nhau là sản xuất, chế biến các sản phẩm thủy sản đông lạnh và khô, tẩm gia vị phục vụ cho thị trường xuất khẩu và nội địa. Nhà máy thủy sản F394 chuyên sản xuất các mặt hàng cá fillet các loại, cá tra và cá basa cắt khúc, fillet...
- Nhà hàng Nha Trang Seafoods** chuyên ngành kinh doanh ăn uống và giới thiệu các mặt hàng thực phẩm thủy sản của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty có các cửa hàng thực phẩm thủy sản** chuyên bán các mặt hàng thủy sản, thực phẩm tươi sống ăn liền, thực phẩm phục vụ bữa ăn gia đình, du lịch...

CÔNG TY
CON VÀ LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
CTCP Nha Trang Seafoods F89	Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	19,80	99%
CTCP Thủy Sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; nuôi thủy sản; chế biến	15,00	98,68%
CTCP Thủy sản NTSF (*)	Lô 1, 2, 3, 4, 5 – Khu công nghiệp Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Khai thác nuôi trồng, chế biến thủy sản	72,09	25,02%
CTCP Thực phẩm NTSF (**)	Ấp Phước Thạnh, xã Quới Thien, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản		24,99%
CTCP Du lịch Khoáng nóng – Nha Trang Seafoods F17 (*)	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Khai thác nước khoáng nóng, bùn khoáng; kinh doanh dịch vụ nhà hàng; sản xuất mỹ phẩm và nước khoáng; vận tải hành khách; dịch vụ tắm hơi, massage	22,17	21,97%

(*): Mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các Công ty con này ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này, do vậy các Công ty con này bị kiểm soát bởi NTSF.
(**): Công ty không sở hữu trực tiếp mà sở hữu thông qua CTCP Thủy sản NTSF với tỷ lệ góp vốn 99,9% vốn điều lệ vào CTCP Thực phẩm Nha Trang Seafoods và quyền kiểm soát của Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty chỉ đầu tư vào CTCP Bệnh viện Yersin có trụ sở chính tại 777 Lê Hồng Phong, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Khám chẩn đoán và điều trị, phục hồi chức năng và điều dưỡng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 17,5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp. Hiện tại, CTCP Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động.



ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

01

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY TRONG NGẮN HẠN

- Xây dựng các phương án khả thi có hiệu quả, tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đưa hoạt động kinh doanh, chế biến, xuất khẩu thủy sản là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu.
- Phấn đấu đạt chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng cao.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất.
- Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống.
- Không ngừng tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, từng bước phát triển các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, theo hướng nâng cao hiệu quả cho sản xuất kinh doanh.
- Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.
- Duy tu, bảo dưỡng, hoặc thay mới các máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất;
- Phát triển nguồn nhân lực: tuyển dụng đào tạo tại chỗ nguồn lao động có tay nghề cao; có chính sách đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực có chất lượng và bồi dưỡng để bổ sung và thay thế các vị trí cần thiết, phục vụ yêu cầu ngày càng mở rộng của Công ty; thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được đảm bảo năm sau sẽ bằng hoặc cao hơn năm trước.

02

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Nhân lực là nguồn chủ đạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của công ty. Với ý thức rằng trong bất cứ tập thể nào, người lao động sẽ cống hiến hết mình nếu công sức của họ được tôn trọng và ghi nhận một cách xứng đáng, Công ty luôn chú trọng và khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân một. Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động luôn được công ty đặc biệt quan tâm. Tiền lương của công nhân luôn được trả đúng hạn, đi kèm theo đó là khoản tiền thưởng thêm, những phần quà thăm hỏi vào các dịp lễ tết, trợ cấp khi ốm đau, tai nạn nghề nghiệp. Công ty cũng thường xuyên tổ chức và phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, phong trào thi đua sản xuất nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, cạnh tranh lành mạnh, góp phần vào sự tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn công ty.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn xác định rõ mục tiêu dài hạn là sự phát triển bền vững của công ty cũng như tối ưu hóa giá trị cho các cổ đông. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. Nhằm đảm bảo cổ đông được cung cấp thông tin công khai và minh bạch theo quy định, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, những thông tin liên quan đến Công ty được trình bày trên

trang web Công ty tại địa chỉ: <http://nhatrang-seafoods.com>

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Mục tiêu của công ty là luôn mang đến sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm của công ty. Công ty hoạt động trong ngành thực phẩm, việc đảm bảo vệ sinh an toàn cho sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của công ty. Do vậy, trong quá trình sản xuất NTSF đã luôn tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý chất lượng như ISO, HACCP, ACC...

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng là cam kết hàng đầu mà Công ty luôn tuân thủ. Thực hiện các tiêu chuẩn chăn nuôi sạch như Global Gap, Việt Gap và các hệ thống quản lý nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nuôi trồng như ASC...

ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Đối với công ty, hoạt động xã hội và những cống hiến cho cộng đồng hoàn toàn không nhằm mục đích đánh bóng tên tuổi mà xuất phát từ ý thức của một tập thể có trách nhiệm muốn đóng góp một phần vào sự phát triển phồn vinh của đất nước. Xây dựng và phát triển tinh thần trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng cũng là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tham gia, tài trợ cho các hoạt động xã hội, từ thiện, Công ty mong muốn xây dựng nét văn hóa hướng thiện, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần, tạo sự gắn bó và đoàn kết trong toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, vì mục tiêu ổn định và phát triển lâu dài.

CÁC NHÂN TỐ

RỦI RO

RỦI RO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, tăng trưởng thương mại toàn cầu suy giảm, giá hàng cả hàng hóa ở mức thấp, nền kinh tế Việt Nam trong năm qua phải gánh chịu nhiều khó khăn, thử thách. Tăng trưởng kinh tế của năm 2016 ước đạt 6,21%, thấp hơn so với 6,68% cùng kỳ năm trước và mục tiêu 6,7%, nhưng sự ổn định kinh tế vĩ mô sẽ là nền tảng phát triển trong thời gian tới. Theo Bộ NN-PTNT, xuất khẩu thủy sản Việt Nam 7 tháng đầu năm 2016 đạt kim ngạch 3,65 tỷ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Cả năm ước đạt 7,1 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2015.

Nhờ các hiệp định thương mại, mà thủy sản Việt Nam đang tham gia sâu hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, ở 144 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, 5 thị trường lớn là Mỹ, EU, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc chiếm 70% tổng sản lượng thủy sản xuất khẩu.

RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2016, NHNN thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế trên tinh thần “cố gắng giữ nguyên mức lãi suất điều hành, hỗ trợ, giảm bớt áp lực về giới hạn an toàn” (các chỉ tiêu an toàn được quy định với thời hạn, lộ trình cụ thể); chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát, đảm bảo thanh khoản ở các kỳ hạn và tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý, giảm bớt áp lực về chênh lệch kỳ hạn; chưa nâng mạnh ngay hệ số rủi ro cho vay bất động sản; dẫn lộ trình nâng giới hạn tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; mở lại tín dụng ngoại tệ. Những động thái tích

cực đó đã góp phần giảm sức ép lên lãi suất đối với các tổ chức tín dụng. Kết quả đạt được là mặt bằng lãi suất cả năm 2016 ổn định, góp phần cân bằng và phát triển kinh tế đất nước.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất khẩu thủy sản nên doanh thu ngoại tệ chiếm khá nhiều, trong khi nguyên liệu của Công ty đến từ thị trường trong nước. Ảnh hưởng của biến động tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Do đặc thù của doanh nghiệp hoạt động chế biến thủy sản là chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu, do đó chi phí nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng chủ yếu. Sự biến động của giá nguyên liệu sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, môi trường nuôi trồng, điều kiện tự nhiên và công nghệ nuôi cũng ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu của



Công ty.

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

Quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các thị trường mà Công ty có hợp đồng xuất khẩu ngày càng khắt khe đối với các tiêu chí về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, yêu cầu chất lượng phải đồng nhất và khả năng truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu và làm ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

CẠNH TRANH GAY GẮT

Trong khu vực, ngoài Trung Quốc thì Campuchia, Thái Lan, Ấn Độ và Lào cũng là những

nước nuôi cá da trơn, hiện nay các quốc gia này cũng đang có chính sách khuyến khích người dân nuôi và phát triển nuôi loài cá này. Do vậy, Công ty không chỉ gặp phải sự cạnh tranh từ các công ty trong nước mà phải cạnh tranh cả với công ty nước ngoài. Để có thể ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh Công ty cần phải nâng cao khả năng cốt lõi của mình để cạnh tranh được với các đối thủ khác.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Công ty Cổ phần, hoạt động NTSF chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Nhiệm vụ đặt ra cho ban lãnh đạo Công ty là chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật Việt Nam, từ đó mới có thể hoạch định những chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được duy trì ổn định.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro bất khả kháng ít khi xảy ra nhưng một khi phát sinh thì thường gây thiệt hại lớn cả về người và tài sản cho công ty, như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Với phương châm hoạt động thận trọng, NTSF đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM



TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH



Năm 2016 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng cho dạn chế về kỹ thuật nuôi, môi trường ô nhiễm và thảm họa môi trường biển Formosa tại các tỉnh miền Trung. Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các thị trường truyền thống như Mỹ, Eu, Úc... đang sa sút. Khó khăn về thị trường xuất khẩu, giá thành xuất khẩu cao đồng thời là sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp với nhau đã kéo ngành thủy sản Việt Nam ngày càng tuột dốc.

Kết thúc năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của NTSF như sau: ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	803.073,38	1.107.431,99	37,90%
2	Giá vốn hàng bán	698.196,54	1.012.923,54	45,08%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	23.643,95	28.803,25	21,82%
4	Chi phí tài chính	26.395,62	17.637,95	-33,18%
5	Chi phí bán hàng	55.720,54	53.473,30	-4,03%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.447,87	31.761,90	24,81%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.956,75	20.438,56	-2,47%
8	Lợi nhuận khác	592,35	-1.600,90	-370,26%
9	Lợi nhuận trước thuế	21.549,10	18.837,66	-12,58%
10	Lợi nhuận sau thuế	20.682,61	16.745,88	-19,03%

Trong năm 2016, nhờ đẩy mạnh hoạt động bán hàng, tổng giá trị doanh thu thuần của Công ty đạt 1.107.431,99 triệu đồng, tăng 37,90% so với cùng kỳ năm ngoái. Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, giá vốn hàng bán cũng theo đó tăng thêm 45,08% so với năm 2015. Bởi vì tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nhanh hơn của doanh thu thuần, do vậy lợi nhuận trước thuế trong năm giảm 12,58% so với 2015, đạt 18.837,66 triệu đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1.107.431,99	1.287.700,00	86,00%
2	Lợi nhuận trước thuế	18.837,66	78.162,00	24,10%

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông năm 2016, song do chịu ảnh hưởng từ nạn hạn hán và xâm nhập mặn cùng với thảm họa môi trường dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt chỉ tiêu. Trong năm, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt hoàn thành 86,00% và 24,10% chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Văn Ích	Giám đốc	5.748.957	30,58%
2	Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	290.468	1,55%
3	Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	80.846	0,43%

Năm 2016, Công ty không có sự thay đổi nào trong Ban Điều hành.

01

ÔNG NGÔ VĂN ÍCH - GIÁM ĐỐC

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 13/11/1959 Nơi sinh: Khánh Hòa
CMND: 220004443 Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Tổ 19, thôn Xuân Ngọc, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
1983 – 1993	Xí nghiệp đông lạnh Nha Trang	Nhân viên; P.Giám đốc
1994 – 2004	Công ty chế biến Thủy sản xuất khẩu Nha Trang	P.Giám đốc; Giám đốc
2006 – 2009	Tại các công ty con của Nha Trang Seafoods	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2009 – nay	Tại các công ty con của Nha Trang Seafoods	Chủ tịch HĐQT
2004 - nay	CTCP Nha Trang Seafoods – F17	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.748.957 cổ phiếu, chiếm 30,58% tỷ lệ sở hữu.

02

ÔNG HUỲNH LONG QUÂN - PHÓ GIÁM ĐỐC

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 29/12/1965 Nơi sinh: Khánh Hòa
CMND: 220601448 Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 7A, Nguyễn Chánh, P.Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ – Chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
1990 – 1993	Xí nghiệp đông lạnh Nha Trang	Nhân viên; P. Quản đốc; Quản đốc PX chế biến
1994 – 2004	Công ty chế biến Thủy sản xuất khẩu Nha Trang	Quản đốc PX Chế biến; P.Giám đốc
2006 – nay	CTCP Thủy sản NTSF; CTCP Thủy sản NT	P.Chủ tịch HĐQT, P.Giám đốc
2009 – nay	CTCP Nha Trang Seafoods – F89; CTCP Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods – F17	P.Chủ tịch HĐQT
2004 - nay	CTCP Nha Trang Seafoods – F17	P.Chủ tịch HĐQT kiêm P.Giám đốc

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 290.468 cổ phiếu, chiếm 1,55% tỷ lệ sở hữu.

ÔNG TRẦN THIỆN TÂM - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 27/01/1959 Nơi sinh: Khánh Hòa
CMND: 225025326 Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 34C Trần Nhật Duật, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị	Chức vụ
1989 – 1993	Xí nghiệp đông lạnh Nha Trang	Nhân viên
1994 – 2004	Công ty chế biến Thủy sản xuất khẩu Nha Trang	Nhân viên, Kế toán trưởng
2006 – nay	Tại công ty con của Nha Trang Seafoods	Kế toán trưởng; Ủy viên HĐQT
2004 - nay	CTCP Nha Trang Seafoods – F17	Kế toán trưởng; Ủy viên HĐQT

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 80.846 cổ phiếu, chiếm 0,43% tỷ lệ sở hữu.

03

TỔ CHỨC

NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến ngày 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty gồm 860 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	131	15,23%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	82	9,53%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	1,16%
4	Lao động phổ thông	637	74,07%
II	Theo hợp đồng lao động		
1	Toàn thời gian	860	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
III	Theo giới tính		
1	Nam	324	37,67%
2	Nữ	536	62,33%
Tổng cộng		860	100,00%

Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành và có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý trên các lĩnh vực được phân công như: Quản lý chất lượng, quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất và quản lý nhân sự. Ngoài ra, Công ty luôn chú ý đến chính sách ưu đãi, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với các cán bộ quản lý điều hành, mở ra những cơ hội thăng tiến cho người tài để đảm bảo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Với nhận thức “Con người là nhân tố quyết định sự thành công của một doanh nghiệp”, Công ty luôn xem trọng công tác tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động nhằm đảm bảo nguồn nhân lực không ngừng phát triển về mặt số lượng lẫn chất lượng để có thể đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty.

Công tác tuyển dụng cũng như đào tạo lao động tại Công ty được thực hiện theo một quy trình nhất định đã quy định trong thủ tục hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng nâng cao chất lượng nguồn lao động, ngoài chương trình đào tạo ban đầu đối với nhân viên mới như phổ biến nội quy Công ty, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy và hướng dẫn các quy trình sản xuất, các thao tác trong chế biến sản phẩm; định kỳ hàng năm Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề và thi nâng bậc, các buổi hướng dẫn những yêu cầu cơ bản của chương trình quản lý chất lượng HAC-CP, ISO 9001:2000, SSOP, BRC, IFS, ACC, ... cho công nhân trực tiếp. Đối với công nhân gián tiếp, Công ty luôn quan tâm tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo trong Công ty, hoặc đăng ký các lớp tập huấn ngắn ngày ngoài Công ty để nhân viên luôn được tiếp cận với kiến thức mới, nâng cao nhận thức, khả năng giao tiếp và kỹ năng giải quyết vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ TRỢ CẤP

Chính sách lương là một trong những chính sách có tầm quan trọng chiến lược nhằm giữ chân người tài giỏi, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động trong Công ty, giúp cho sự gắn bó lâu dài của người lao động đối với Công ty; Công ty đã trả lương cho người lao động theo nhiều cách khác nhau, phù hợp với từng loại hình công việc để đảm bảo ngày càng tiến tới sự công bằng, hợp lý; đồng thời ngày càng thu hút được nhiều lao động có tình độ, có tay nghề và lao động có khả năng sinh lợi ích lớn cho Công ty. Việc trả lương theo sản phẩm

của từng công nhân trực tiếp và trả lương khoán cho nhân viên gián tiếp là những biện pháp nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi người lao động, không cho phép sự dựa dẫm hoặc ăn theo kết quả lao động của người khác. Nhờ vậy, chính sách lương tại Công ty luôn đóng vai trò là một đòn bẩy kinh tế thúc đẩy sự nỗ lực, nhiệt tình của người lao động.

Ngoài thu nhập từ tiền lương hàng tháng, Công ty còn sử dụng chính sách tiền thưởng như một công cụ để hỗ trợ thực hiện các chính sách ưu đãi của Công ty đối với nhân tài, để động viên khuyến khích những tấm gương điển hình vượt khó hoàn thành nhiệm vụ, hết mình vì Công ty (như hình thức thưởng danh hiệu “chiến sĩ thi đua”, “lao động giỏi”, thưởng cá nhân có năng suất lao động, ngày công cao trong các tháng mùa vụ...), khen thưởng các sáng kiến và cải tiến kỹ thuật để phát huy tinh thần lao động sáng tạo... Hàng năm, vào các ngày Lễ, Tết, Công ty đều trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để thưởng thêm cho CBCNV tùy theo hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm và mức độ đóng góp của từng cá nhân và hiệu quả Công ty.

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động trong Công ty còn được hưởng đầy đủ các chính sách chế độ và quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động như ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ dưỡng sức, nâng lương, trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động, chế độ bồi dưỡng nặng nhọc độc hại bằng hiện vật... và các quyền lợi khác ngoài Luật như được trợ cấp miễn phí bữa ăn giữa ca, được nhận quyền lợi từ quỹ phúc lợi như trợ cấp nuôi con nhỏ đến tuổi đi mẫu giáo, trợ cấp nửa tháng lương cho mỗi năm công tác tại Công ty đối với CB.CNV đến tuổi nghỉ hưu, chi mừng đám cưới, tham hỏi khi ốm đau, tang chế, trợ cấp khi gặp khó khăn ... Nhờ vậy, từ năm 2014 Công ty cổ phần Nhà Trang Seafoods là một trong số ít doanh nghiệp tại Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn SA8000.

TÌNH HÌNH

ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

CTCP NHA TRANG SEAFOODS – F89

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Đồng	416.293.601.082	645.746.200.202
LNTT	Đồng	22.448.569.085	40.259.361.567
Tài sản	Đồng	398.916.107.787	329.716.783.444
VĐL	Đồng	22.000.000.000	22.000.000.000

CTCP THỦY SẢN NT

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Đồng	171.164.739.750	228.907.865.678
LNTT	Đồng	2.414.305.889	3.364.915.970
Tài sản	Đồng	152.948.529.262	106.027.080.826
VĐL	Đồng	17.000.000.000	17.000.000.000

CTCP DU LỊCH KHOÁNG NÓNG NHA TRANG SEAFOODS – F17

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Đồng	72.345.838.466	80.391.673.370
LNTT	Đồng	10.547.589.494	2.598.278.072
Tài sản	Đồng	142.238.860.149	235.995.561.184
VĐL	Đồng	220.000.000.000	220.000.000.000

CTCP THỦY SẢN NTSF

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Đồng	1.395.035.359.164	1.529.424.095.718
LNTT	Đồng	71.614.252.206	78.199.491.510
Tài sản	Đồng	1.024.624.149.511	1.039.846.984.940
VĐL	Đồng	300.000.000.000	314.000.000.000

CTCP THỰC PHẨM NTSF

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Đồng	182.428.665.142	166.470.461.837
LNTT	Đồng	1.261.741.188	1.023.969.382
Tài sản	Đồng	112.377.990.672	92.767.049.249
VĐL	Đồng	40.000.000.000	40.000.000.000

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện tại, CTCP Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động. Công ty có thể phải gánh một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào CTCP Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.



TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / giảm 2016
1	Tổng tài sản	928.036,29	990.894,18	6,77%
2	Doanh thu thuần	803.073,38	1.107.431,99	37,90%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.956,75	20.438,56	-2,47%
4	Lợi nhuận khác	592,35	-1.600,90	-370,26%
5	Lợi nhuận trước thuế	21.549,10	18.837,66	-12,58%
6	Lợi nhuận sau thuế	20.682,61	16.745,88	-19,03%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2015	2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,03
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,93	0,94
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,01%	71,56%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	212,60%	251,65%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	6,46	14,12
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,75	1,15
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,58%	1,51%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	5,59%	5,79%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	1,94%	1,75%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,61%	1,85%

VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán có thay đổi không đáng kể trong năm 2016. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,06 lần xuống còn 1,03 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,93 lần lên 0,94 lần. Điều này cho thấy cứ 1 đồng nợ ngắn hạn của Công ty sẽ được đảm bảo bởi 1,03 đồng tài sản ngắn hạn và bởi 0,93 đồng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao, điều này chứng tỏ Công ty có đủ tài sản ngắn hạn để đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty cao hơn năm trước.

VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm do nhu cầu bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu và bảo lãnh, mở tư tín dụng L/C nên khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty tăng thêm 77,32% dẫn đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều tăng thêm so với năm 2015, cụ thể hệ số nợ trên tổng tài sản tăng lên 71,56%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng lên 251,65%. Điều này đồng thời thể hiện Công ty đang tận dụng đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Tuy nhiên Công ty cần có biện pháp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh để gia tăng lợi nhuận trước thuế và lãi vay để có đủ khả năng trang trải lãi vay.

VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm số vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 6,46 vòng năm 2015 lên 14,12 vòng năm 2016, con số này xao hơn so với đa số các doanh nghiệp trong ngành, nguyên nhân là vì giá vốn hàng bán tăng cao trong khi hàng tồn kho trong kỳ giảm xuống, trung bình Công ty cần khoảng 26 ngày để có thể thanh lý hết số lượng hàng tồn kho của mình. Hệ số vòng quay tài sản cố định có cùng xu hướng tăng với hệ số vòng quay hàng tồn kho, trong năm tăng thêm 53,04% đạt 1,15 vòng, chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản cố định của Công ty ngày càng được nâng cao.

VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm qua mặc dù tổng doanh thu thuần tăng trưởng so với năm 2015, tuy nhiên các chỉ tiêu lợi nhuận đều giảm, do vậy các hệ số khả năng sinh lời cũng có xu hướng giảm. Trong đó hai chỉ tiêu giảm nhiều nhất là biên lợi nhuận sau thuế và biên lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tương ứng với mức giảm 1,06% và 0,76% so với cùng kỳ. Hệ số ROA giảm từ 1,94% xuống còn 1,75% trong năm 2016. Hệ số ROE có mức tăng không đáng kể, đạt 5,79%, điều này là do lợi nhuận chưa phân phối giảm nhiều hơn so với lợi nhuận sau thuế

CƠ CẤU
CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần : 18.800.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
Số cổ phần ưu đãi : không có
Số cổ phần phổ thông : 18.800.000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành : 18.800.000 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 18.800.000 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên	11.344.643	60,34%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu	7.455357	39,66%
Tổng		18.800.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Ngô Văn Ích	5.743.649	30,55%
Ngô Tuấn Kiệt	3.720.994	19,79%
Đào Thị Minh Hương	1.880.000	10,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty không tiến hành tăng vốn.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm chính của Công ty trong năm:

- Tôm nguyên liệu: 4.693 tấn
- Cá nguyên liệu: 186 tấn

Khối lượng nguyên vật liệu được tái chế để sử dụng:

- Tôm: 2.002 tấn, tương đương 43%
- Cá : 95 tấn, tương đương 51%

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp phân loại theo từng nguồn:

- Điện: 11.823.157 Kwh
- Than đá: 285.200 kg

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp

- Chiếu sáng và phục vụ bộ phận gián tiếp : 125.970 Kwh

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp cho toàn công ty chủ yếu là nguồn nước giếng ngầm, qua hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy. Tổng lượng nước giếng ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy là 275.569.000 lít và số lượng nước máy sử dụng là 64.380 lít. Trong đó lượng nước sử dụng theo từng loại hoạt động như sau:

- Chế biến thủy sản: 248.068.464 lít
- Sinh hoạt: 27.557.056 lít
- Dùng cho nhà hàng: 7.860 lít

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, Công ty đã tuân thủ đầy đủ pháp luật về bảo vệ môi trường như xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái trong vùng đánh bắt thủy sản...



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để đảm bảo đời sống vật chất của CBCNV, Công ty luôn trả lương đúng hạn, theo đúng thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
Bảng sau thể hiện mức lương trung bình, được phân loại theo giới tính, loại hợp đồng lao động và trình độ:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (ĐVT: đồng/người)
1	Theo giới tính:	860	
	Nam	324	6.718.176
	Nữ	536	5.826.472
2	Theo hợp đồng lao động:	860	
	Toàn thời gian	860	6.162.416
	Bán thời gian	0	
3	Theo trình độ:	860	
	Trình độ Đại học và trên Đại học	131	9.420.400
	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	82	5.858.017
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	5.401.906
	Lao động phổ thông	637	5.543.531

Về đời sống tinh thần, Công ty tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, các hoạt động thể thao nhằm tăng thêm sự gắn bó giữa người lao động và công ty, giữa những người lao động với nhau. Công ty đã chú ý đề ra chính sách đảm bảo sức khỏe và phúc lợi CBCNV trên toàn Công ty.
Nhận thức được sự phát triển của nhân viên cũng là sự tăng trưởng của Công ty, Công ty thường xuyên tổ chức những buổi đào tạo cho người lao động nhằm nâng cao tay nghề, kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, Nha Trang Seafoods luôn đồng hành, chia sẻ thành quả cùng người lao động, cũng như thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp vì cộng đồng xã hội.
Công ty có nhiều hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng như thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các học sinh nghèo vượt khó...

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VỀ DOANH THU

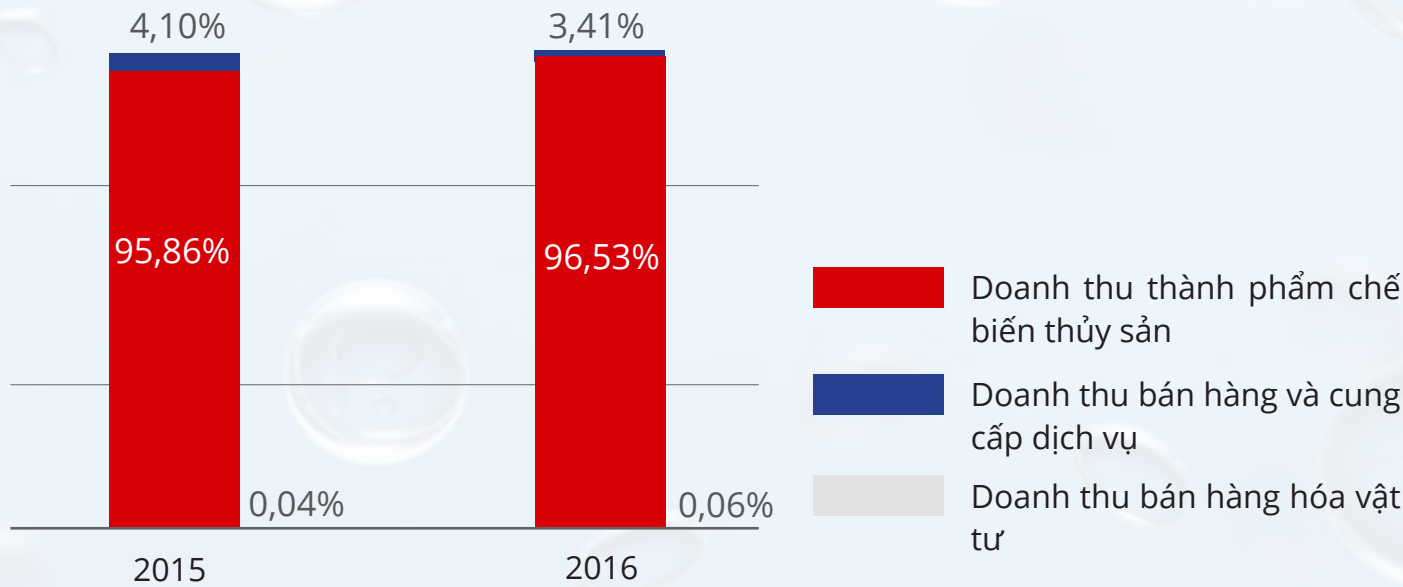
Tổng giá trị doanh thu năm 2016 tăng 33,88%, trong đó giá trị doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 34,27%, đóng góp nhiều thứ hai là doanh thu từ hoạt động tài chính với mức tăng 21,82%.

Cơ cấu doanh thu thuần qua hai năm 2015 và 2016 không có sự thay đổi nhiều với doanh thu từ thành phẩm chế biến thủy sản đóng góp giá trị lớn nhất, năm 2016 giá trị này tăng thêm 0,67%, theo sau là doanh thu từ nhà hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 3,41% giá trị doanh thu thuần, cuối cùng là doanh thu bán hàng hóa, vật tư có đóng góp không đáng kể.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

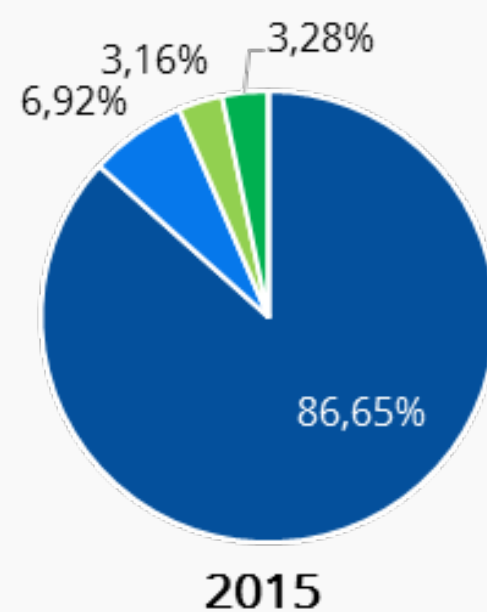
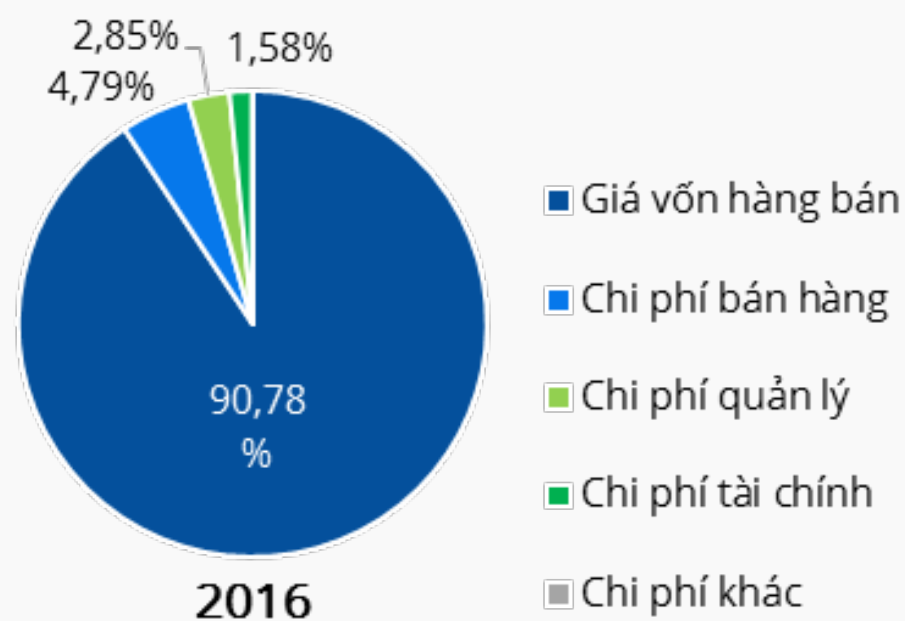
STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / Giảm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	928.036,29	990.894,18	6,77%
2	Tài sản ngắn hạn	666.742,51	732.004,66	9,79%
3	Hàng tồn kho	79.459,08	63.963,74	-19,50%
4	Tổng nợ	631.155,38	709.107,10	12,35%
5	Nợ ngắn hạn	631.155,38	709.107,10	12,35%
6	Vốn chủ sở hữu	296.880,91	281.787,08	-5,08%
7	Doanh thu thuần	803.073,38	1.107.431,99	37,90%
8	Lợi nhuận trước thuế	21.549,10	18.837,66	-12,58%
9	Lợi nhuận sau thuế	20.682,61	16.745,88	-19,03%



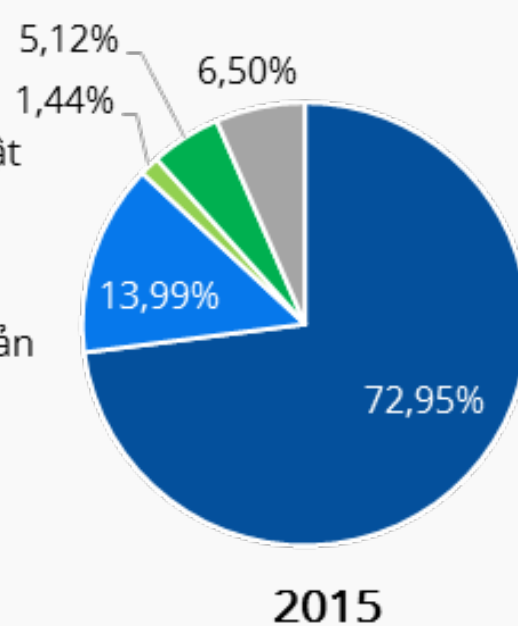
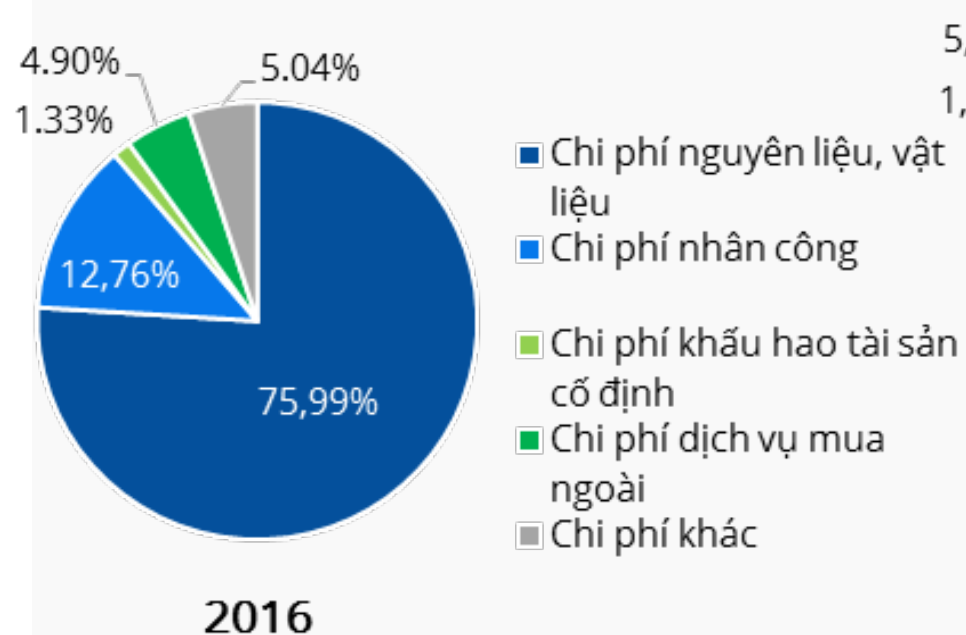
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VỀ CHI PHÍ

Xét về cơ cấu chi phí hoạt động



Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố



XÉT VỀ CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG:

Trong năm 2016, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng của các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động. Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đồng thời trong năm tăng thêm 4,13% so với cùng kỳ. Các chi phí khác đều có xu hướng giảm, trong đó mức giảm mạnh nhất là 2,12% của chi phí bán hàng, kể đến là chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,70%. Chi phí tài chính và chi phí khác không ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu chi phí hoạt động.

XÉT VỀ CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ:

Trong năm Công ty đẩy mạnh tiêu thụ thành phẩm, dẫn đến chi phí nguyên liệu, vật liệu cũng tăng theo với mức tăng 3,03% lên 75,99%. Trong khi đó, các chi phí khác đều giảm so với cùng kỳ với mức giảm không đáng kể.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

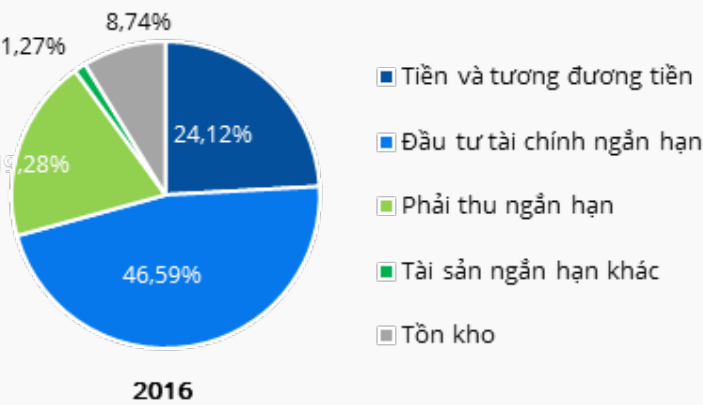
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	666.742,51	732.004,66	9,79%
2	Tài sản dài hạn	261.293,79	258.889,52	-0,92%
3	Tổng tài sản	928.036,29	990.894,18	6,77%

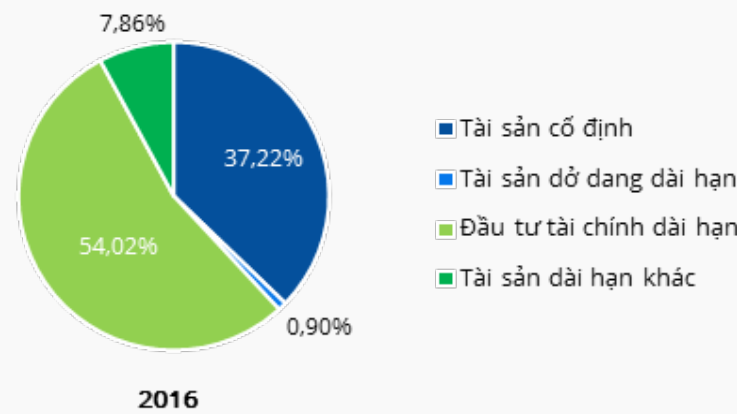
Tính đến 31/12/2016, tổng giá trị tài sản của Công ty tăng 6,77% so với năm 2015, đạt 990.894,18 triệu đồng. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tăng 9,79% phần lớn vì khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng mạnh, thêm 319.850 triệu đồng. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn giảm không đáng kể ở mức 0,92% chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định

Cơ cấu tài sản ngắn hạn



Về cơ cấu tài sản ngắn hạn: năm 2016 có sự thay đổi khá lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn khi tỷ trọng đóng góp nhiều nhất chuyển từ khoản mục phải thu ngắn hạn sang khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn. Trong năm, phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm từ 55,78% xuống còn 19,28% do Công ty đã thu hồi được phần lớn khoản nợ ngắn hạn từ công ty con Nha Trang Seafoods F89. Đối với đầu tư tài chính ngắn hạn, tăng từ 3,18% lên 46,59%, khoản tiền này dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn.

Cơ cấu tài sản dài hạn



Về cơ cấu tài sản dài hạn: không có sự thay đổi lớn, chiếm giá trị nhiều nhất vẫn là khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với 54,02% tổng giá trị tài sản dài hạn, kể đến là tài sản cố định chiếm 37,22%. Tài sản dài hạn khác và tài sản dở dang có đóng góp không nhiều với tỷ lệ lần lượt là 0,90% và 7,86%.

NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	631.155,38	709.107,10	12,35%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
3	Tổng nợ	631.155,38	709.107,10	12,35%

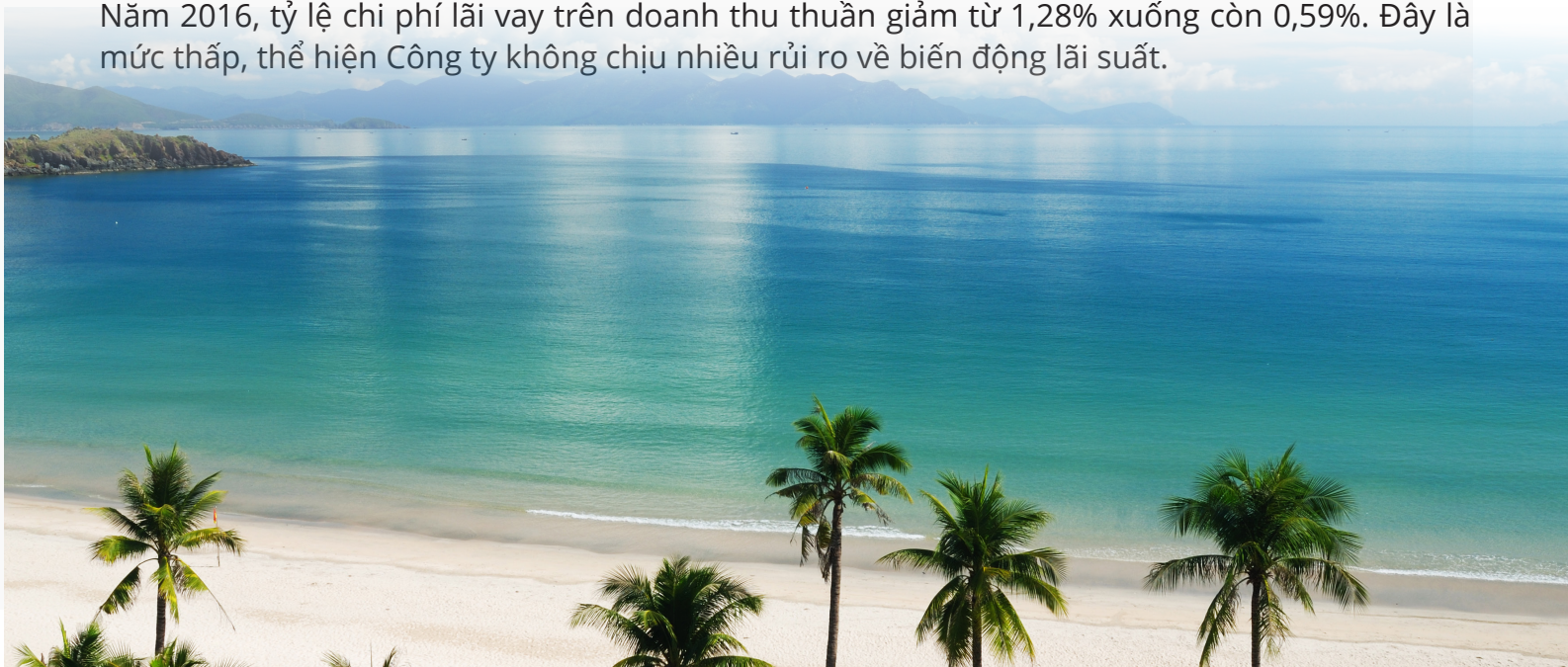
Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng giá trị nợ của Công ty là 709.107,10 triệu đồng, chiếm 71,56% cơ cấu tài sản của NTSF và toàn bộ đều là nợ ngắn hạn. So với năm 2014, tỷ trọng nợ tăng thêm 12,35%. Trong năm, để phục vụ nhu cầu vốn lưu động bao gồm chi phí mua nguyên liệu, vật liệu; chi phí chế biến thủy sản xuất khẩu; mở thư tín dụng L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản; khoản vay ngắn hạn phát sinh thêm là 1.011.979,96 triệu đồng và đã trả 862.409,76 triệu đồng.

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH LÃI VAY:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	2015	2016
Vay ngắn hạn	631.155.380.398	709.107.098.285
Vay dài hạn	-	-
Chi phí lãi vay	10.293.796.410	6.545.435.905
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần (%)	1,28%	0,59%

Năm 2016, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần giảm từ 1,28% xuống còn 0,59%. Đây là mức thấp, thể hiện Công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.



BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

Doanh thu ngoại tệ của Công ty có tỷ trọng khá lớn do xuất khẩu thủy sản đến các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Mỹ, Úc..., theo đó biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
Trong năm 2016, Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của NTSF như sau:

ĐVT: USD

Khoản mục	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.586.710,85	4.855.196,88	5,85%
Phải thu khách hàng	14.128.168,61	5.095.704,71	-63,93%
Vay và nợ	(8.876.849,00)	(8.091.317,31)	-8,85%
Phải trả người bán	(11.420.155,49)	(10.915.261,00)	-4,42%
Tổng	(1.582.125,03)	(9.055.676,72)	-

Bảng trên thể hiện các khoản mục tài sản/nợ phải trả thuần có gốc đô la Mỹ (USD) của Công ty trong năm 2016. Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá USD/VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm 2016 của Công ty sẽ giảm/tăng 4.113,09 triệu đồng (năm trước giảm/tăng 710,37 triệu đồng).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Bộ máy quản lý Công ty được sắp xếp theo hướng ngày càng gọn nhẹ và hiệu quả. Công ty ngày càng quan tâm hơn đến người lao động như an toàn vệ sinh lao động, các chính sách về bảo hiểm, chính sách cho lao động nữ có thai và nuôi con nhỏ... ngày càng tốt hơn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Về năng lượng điện và nước phục vụ sản xuất có tiết kiệm tốt và tiếp tục cải tiến để ngày càng tiết kiệm hơn.
Về phát thải, môi trường Công ty đang tiếp tục đầu tư nâng cấp thêm cho khu xử lý nước thải để đạt chuẩn theo yêu cầu mới.

Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước quy định liên quan đến người lao động.
Số lượng lao động trong năm là 860 người với mức lương trung bình đạt ...
Hàng năm, Công ty định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV.
Công nhân ngành thủy sản thường có biến động nhiều trong quá trình sản xuất nên Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện đào tạo, dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất của Công ty.

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng dân cư địa phương.
Các cơ sở sản xuất của Công ty luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Hạn chế xả thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa qua xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.



BÁO CÁO

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, các quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2014. HĐQT đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban GD đã luôn theo sát sự chỉ đạo của HĐQT, thực hiện lãnh đạo và hành hoạt động của Công ty một cách hiệu quả.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Ban GD đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các giải pháp để thực hiện các chiến lược kinh doanh do HĐQT đưa ra. Trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH2015/ TH2016	TH/KH 2016
Doanh thu thuần	803.073,38	1.287.700,00	1.107.431,99	37,90%	86,00%
Lợi nhuận trước thuế	21.549,10	78.162,00	18.837,66	-12,58%	24,10%

Nhìn chung, Công ty đã hoạt động theo đúng định hướng của HĐQT đã hoạch định. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt được kế hoạch đã đề ra là do các yếu tố khách quan và tình hình khó khăn chung của các thị trường xuất khẩu.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đề xuất với ĐHĐCĐ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.
- Tổ chức lại lao động; nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng; duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm đúng cam kết.
- Tìm các thị trường mới để tăng cường hoạt động xuất khẩu. Bên cạnh đó mở rộng hoạt động đầu tư của Công ty sang các lĩnh vực khác nhằm tăng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý, công nhân lao động bằng chính thành quả lao động đã làm ra, mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông và cộng đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Vật tư Thủy sản	Số 05 Sinh Trung, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Ích (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BTS-D,
NHÂN
TY TN
N VÀ T,
& C
A TRẦN
T. K. K.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 100/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại số 777, đường Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin cũng như các tài liệu khác liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Công ty này nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (xem thuyết minh V.2b).



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		732.004.664.073	666.742.506.558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	176.556.494.503	185.340.934.392
1. Tiền	111		123.556.494.503	112.840.934.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	72.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		341.050.000.000	21.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	341.050.000.000	21.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.146.810.868	371.891.507.971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	121.808.331.568	319.050.130.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.472.088.032	27.069.463.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.798.332.507	27.703.855.629
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.931.941.239)	(1.931.941.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		63.963.740.183	79.459.075.851
1. Hàng tồn kho	141	V.7	63.963.740.183	79.459.075.851
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.287.618.519	8.850.988.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.283.981.814	1.125.638.583
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.906.090.386	5.051.222.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.097.546.319	2.674.126.894
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.889.516.032	261.293.788.169
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.393.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	3.393.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		96.367.117.954	97.823.101.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	83.422.541.762	84.636.882.008
- Nguyên giá	222		205.328.149.743	196.204.722.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.905.607.981)	(111.567.840.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.944.576.192	13.186.219.776
- Nguyên giá	228		13.697.811.676	13.697.811.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(753.235.484)	(511.591.900)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.327.765.237	1.617.719.782
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.327.765.237	1.617.719.782
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		139.850.053.291	139.850.053.291
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	129.064.743.291	129.064.743.291
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	285.310.000	285.310.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.344.579.550	21.999.520.312
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	20.344.579.550	21.999.520.312
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		990.894.180.105	928.036.294.727

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		709.107.098.285	631.155.380.398
I. Nợ ngắn hạn	310		709.107.098.285	631.155.380.398
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a,c	242.276.227.725	281.371.451.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.220.700.200	13.990.193.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	31.510.598	595.229.528
4. Phải trả người lao động	314	V.15	9.430.212.429	8.687.798.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.660.658.086	4.688.070.359
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,b	93.769.705.993	122.085.623.975
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,b	354.151.334.925	199.729.102.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.566.748.329	7.910.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		281.787.081.820	296.880.914.329
I. Vốn chủ sở hữu	410		281.787.081.820	296.880.914.329
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	75.829.682.280	90.923.514.789
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.935.845.643	90.923.514.789
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.893.836.637	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		990.894.180.105	928.036.294.727

Nha Trang, ngày 08 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Dân Tiến
Người lập

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.107.527.789.444	824.866.688.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	95.795.990	21.793.312.323
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.107.431.993.454	803.073.376.338
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.012.923.540.173	698.196.542.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.508.453.281	104.876.833.447
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	28.803.250.696	23.643.952.650
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	17.637.946.873	26.395.623.267
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.545.435.905	10.293.796.410
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	53.473.298.501	55.720.543.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	31.761.900.780	25.447.868.012
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.438.557.823	20.956.750.870
11. Thu nhập khác	31	VI.8	581.317.378	717.609.551
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.182.215.089	125.256.635
13. Lợi nhuận khác	40		(1.600.897.711)	592.352.916
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.837.660.112	21.549.103.786
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.091.776.250	866.494.893
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.745.883.862	20.682.608.893
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Nha Trang, ngày 08 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Dân Tiến
Người lập

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.837.660.112	21.549.103.786
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	10.888.960.197	9.482.571.644
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	5.990.440.841	(6.045.928.362)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.110.244.566)	(17.664.844.514)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.545.435.905	10.293.796.410
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.152.252.489	17.614.698.964
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		222.257.091.532	232.873.066.572
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.495.335.668	57.198.301.011
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.009.157.010)	98.412.053.328
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.496.597.531	(21.269.652.585)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.322.434.560)	(11.185.799.866)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.021.153.650)	(22.133.122.693)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	1.725.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(7.088.318.677)	(4.277.932.106)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		194.961.938.323	347.231.612.625
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.153.406.511)	(17.051.707.906)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		303.272.727	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(319.850.000.000)	(21.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(867.240.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.539.947.499	5.479.765.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(324.160.186.285)	(33.457.364.390)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	1.011.979.960.873	729.141.077.373
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(862.409.760.054)	(1.123.833.405.159)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20d	(29.418.108.714)	(43.774.994.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		120.152.092.105	(438.467.321.786)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.046.155.857)	(124.693.073.551)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		185.340.934.392	310.262.614.701
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		261.715.968	(228.606.758)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		176.556.494.503	185.340.934.392

Nguyễn Dân Tiến
Người lập

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Giám đốc

Nha Trang, ngày 08 tháng 3 năm 2017

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.
- 3. Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 5. Cấu trúc Công ty**

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	98,68%	98,68%	98,68%
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (*)	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (**)	Ấp Phước Thạnh, Xã Quới Thiệu, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	24,99%	24,99%	24,99%
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Khai thác nước khoáng nóng, bùn khoáng; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất mỹ phẩm và nước khoáng; Vận tải hành khách. Dịch vụ tắm hơi, massage	21,97%	21,97%	21,97%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này. Do vậy các Công ty này bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào các Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

(**) Công ty không sở hữu trực tiếp mà sở hữu thông qua Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF với tỷ lệ góp vốn 99,9% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF và quyền kiểm soát của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin có trụ sở chính tại số 777 Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Khám chẩn đoán và điều trị, phục hồi chức năng và điều dưỡng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 17,5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Vật tư Thủy sản	Số 05 Sinh Trung, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty có 847 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 891 nhân viên).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến các Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá do Công ty mẹ quy định (áp dụng tỷ giá 22.710 VND/USD).

- 3. Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- 4. Các khoản đầu tư tài chính
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**
Công ty con
Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất trả trước một lần, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

22

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

23

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.647.804.371	2.472.017.471
Tiền gửi ngân hàng	117.908.690.132	110.368.916.921
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	53.000.000.000	72.500.000.000
Cộng	176.556.494.503	185.340.934.392

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần. Toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	129.064.743.291	-	-	129.064.743.291	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	72.094.580.000	-	-	72.094.580.000	-	-
Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(iv)	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin ^(v)	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	285.310.000	-	359.725.100	285.310.000	-	444.577.200
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(vi)	285.310.000	-	359.725.100	285.310.000	-	444.577.200
Cộng	139.850.053.291	-	359.725.100	139.850.053.291	-	444.577.200

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700527019 ngày 14 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 15.000.000.000 VND, tương đương 98,68% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF 66.000.000.000 VND, tương đương 21,02% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 72.094.580.000 VND (tương đương 8.040.880 cổ phần), chiếm 25,02% vốn thực tế đã góp (số đầu năm tương đương 25,58% vốn điều lệ). Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 43,57% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900351972 ngày 29 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89 là 19.800.000.000 VND (số hữu 2.178.000 cổ phần), tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201112127 ngày 10 tháng 9 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 06 ngày 15 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 là 220.000.000.000 VND, vốn Công ty phải đầu tư là 77.000.000.000 VND (tương đương 35% vốn điều lệ). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 22.170.163.291 VND, chiếm 11% vốn thực tế đã góp. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 88,45% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

(vi) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy sản NT		
Doanh thu ủy thác xuất khẩu	932.310.628	1.279.754.581
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.115.190	28.682.235
Doanh thu bán vật tư	74.000.000	36.030.227
Xuất bán hàng ủy thác	17.057.886.677	34.343.520.685
Mua hàng nội địa	47.396.410.393	9.278.778.937
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	167.243.481.243	122.180.419.005
Phí vận chuyển quốc tế, ủy thác xuất khẩu	280.902.861	850.588.454
Thu giảm chi phí vận chuyển quốc tế	2.191.838.335	1.908.086.906
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	-	10.063.502.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	35.431.818	49.308.909
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.672.775.696	3.840.396.689
Doanh thu hàng ủy thác xuất khẩu	568.933.092	269.589.375
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.184.217	-
Trả lại thành phẩm	968.796.355	-
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	299.337.054.620	349.024.182.209
Mua thành phẩm nội địa	54.643.838.352	16.785.406.588
Chi phí gia công	2.712.540.800	1.271.286.360
Thu giảm chi phí vận chuyển hàng ủy thác xuất khẩu, hoa hồng môi giới	3.634.468.411	5.874.993.380
Phí vận chuyển quốc tế hàng ủy thác xuất khẩu	7.793.020	-
Phí ủy thác xuất khẩu	3.129.123	-
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	24.121.464.000	43.890.607.000
Phải thu tiền cổ tức trong năm	12.060.732.000	24.121.464.000

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89

Doanh thu bán vật tư	237.280.000	41.077.149
Doanh thu ủy thác xuất khẩu	2.552.107.565	2.929.896.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.728.371.277	302.612.242
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	5.663.636	-
Công ty xuất bán hàng ủy thác	19.144.827.616	511.439.454
Nhập mua thành phẩm	147.904.802.073	28.290.906.961
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	463.547.048.511	293.072.762.074
Phí ủy thác xuất khẩu	105.296.553	-
Phí vận chuyển quốc tế hàng ủy thác xuất khẩu	298.804.985	-
Thu giảm chi phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới	5.611.648.315	5.614.514.124
Cần trừ thu tiền cổ tức bằng nợ phải trả	-	12.038.737.000

Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17

Doanh thu bán hàng thủy sản	859.163.246	680.287.808
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.410.170.881	-
Nhượng bán lò hơi	350.000.000	-
Chi phí mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	1.129.973.640	1.116.411.809
Mua hàng hóa	-	50.479.998
Góp vốn bằng phí cấp quyền khai thác mỏ nước khoáng	-	867.240.000

Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF

Doanh thu bán hàng	19.418.182	19.418.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	72.363.636

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

28

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	26.959.717.945	201.797.893.597
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	1.071.931.489	64.763.600
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89	18.987.905.589	158.082.047.810
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	6.502.683.574	43.379.458.172
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	89.509.982	271.624.015
Công ty Cổ phần Onsen	307.687.311	-
Phải thu các khách hàng khác	94.848.613.623	117.252.236.934
Công ty LP Foods Pte, Ltd	18.752.385.075	-
Công ty Thalassa Seafoods NV	19.306.310.363	8.466.898.830
Công ty NTCT Seafood, Inc.	-	56.086.699.039
Phải thu các khách hàng khác	56.789.918.185	52.698.639.065
Cộng	121.808.331.568	319.050.130.531

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	24.304.541.414
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	-	24.304.541.414
Trả trước cho người bán khác	1.472.088.032	2.764.921.636
Liên đoàn Địa chất Thủy Văn- Địa Chất CT Miền Trung	550.000.000	550.000.000
Trương Thị Nhị	334.352.300	443.600.000
Các khách hàng khác	587.735.732	1.771.321.636
Cộng	1.472.088.032	27.069.463.050

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	12.060.732.000	-	24.121.464.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Cổ tức được chia	12.060.732.000	-	24.121.464.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.737.600.507	-	3.582.391.629	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	3.503.315.917	-	286.638.888	-
Tạm ứng	3.135.049.638	-	2.626.248.798	-
Thuế TNCN còn phải thu	549.203.460	-	461.415.748	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	550.031.492	-	208.088.195	-
Cộng	19.798.332.507	-	27.703.855.629	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

29

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		2.592.867.739	660.926.500		2.592.867.739	660.926.500
Công ty Aquatila - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Các khách hàng khác - Trả trước người bán	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500
Cộng		2.592.867.739	660.926.500		2.592.867.739	660.926.500

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.931.941.239	1.931.941.239
Số cuối năm	1.931.941.239	1.931.941.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.839.863.687	-	5.875.580.442	-
Công cụ, dụng cụ	73.945.339	-	103.185.639	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	965.577.862	-	525.451.946	-
Thành phẩm	55.795.673.093	-	72.666.904.314	-
Hàng hóa	288.680.202	-	287.953.510	-
Cộng	63.963.740.183	-	79.459.075.851	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	336.647.722	520.785.725
Chi phí bảo hiểm	346.704.825	224.321.471
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	600.629.267	380.531.387
Cộng	1.283.981.814	1.125.638.583

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	16.893.924	189.828.284
Tiền thuê đất	16.468.390.601	16.510.853.000
Chi phí đền bù	600.000.000	630.000.000
Chi phí sửa chữa	3.259.295.025	4.668.839.028
Cộng	20.344.579.550	21.999.520.312

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

30

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.250.753.864	130.536.094.082	19.013.155.058	404.719.110	196.204.722.114
Mua trong năm	-	3.776.132.320	5.667.228.736	-	9.443.361.056
Thanh lý, nhượng bán	-	(150.000.000)	(169.933.427)	-	(319.933.427)
Số cuối năm	46.250.753.864	134.162.226.402	24.510.450.367	404.719.110	205.328.149.743
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.322.711.871	51.298.780.266	2.398.318.710	361.078.201	57.380.889.048
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.688.108.577	84.394.332.097	9.098.864.044	386.535.388	111.567.840.106
Khấu hao trong năm	1.920.080.328	6.911.793.228	1.800.896.093	14.546.964	10.647.316.613
Thanh lý, nhượng bán	-	(142.708.350)	(166.840.388)	-	(309.548.738)
Số cuối năm	19.608.188.905	91.163.416.975	10.732.919.749	401.082.352	121.905.607.981

Giá trị còn lại

Số đầu năm	28.562.645.287	46.141.761.985	9.914.291.014	18.183.722	84.636.882.008
Số cuối năm	26.642.564.959	42.998.809.427	13.777.530.618	3.636.758	83.422.541.762

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 57.695.125.656 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.515.811.676	182.000.000	13.697.811.676
Số cuối năm	13.515.811.676	182.000.000	13.697.811.676
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	329.591.900	182.000.000	511.591.900
Khấu hao trong năm	241.643.584	-	241.643.584
Số cuối năm	571.235.484	182.000.000	753.235.484
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.186.219.776	-	13.186.219.776
Số cuối năm	12.944.576.192	-	12.944.576.192

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

31

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	1.617.719.782	710.045.455	-	2.327.765.237
Dự án Nước khoáng Khánh Vĩnh	231.467.600	-	-	231.467.600
Công trình Công viên Bờ biển	1.158.048.362	-	-	1.158.048.362
Công trình tại 02-04 Bãi Dương	218.495.820	654.545.455	-	873.041.275
Công trình Ống dẫn nước khoáng từ chợ Vĩnh Hải - Núi Sạn	9.708.000	-	-	9.708.000
Dự án Nước khoáng Hòn Thơm	-	55.500.000	-	55.500.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	395.037.300	(395.037.300)	-
Cộng	1.617.719.782	1.105.082.755	(395.037.300)	2.327.765.237

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	225.210.627.440	268.208.107.059
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	21.929.351.843	31.674.350.827
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	65.831.496.133	73.589.761.127
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	137.443.579.464	162.939.095.105
Công ty Cổ phần du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	-	4.900.000
Công ty Cổ phần Onsen	6.200.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	17.065.600.285	13.163.344.869
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	3.147.305.062	1.486.527.035
Các nhà cung cấp khác	13.918.295.223	11.676.817.834
Cộng	242.276.227.725	281.371.451.928

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của khách hàng khác	2.220.700.200	13.990.193.115
Công ty Global Meat GMBH Co	763.056.000	-
Công ty Nowaco A/S	493.942.500	-
Công ty BK - Salmon Spolka Akcyjna	447.954.750	-
Công ty Chunil Logistics	281.158.885	-
Công ty ShunFat Enterprise	-	13.463.576.418
Các khách hàng khác	234.588.065	526.616.697
Cộng	2.220.700.200	13.990.193.115

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	739.248.040	(739.248.040)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	509.367.579	571.836.988	(65.879.013)	-	3.409.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.164.759.315	2.091.776.250	(2.021.153.650)	-	2.094.136.715
Thuế thu nhập cá nhân	54.438.928	-	3.619.407.060	(3.648.647.710)	25.198.278	-
Thuế tài nguyên	3.335.800	-	75.208.640	(72.232.120)	6.312.320	-
Tiền thuế đất	537.454.800	-	2.018.135.100	(2.555.589.900)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	595.229.528	2.674.126.894	9.120.612.078	(9.107.750.433)	31.510.598	2.097.546.319

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước là 22%).

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo qui định tại khoản 5 điều 11 thông tư 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.837.660.112	21.549.103.786
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.594.488.621	3.679.521.244
- Các khoản điều chỉnh giảm	(941.519.743)	(7.523.680.810)
Thu nhập chịu thuế	25.490.628.990	17.704.944.220

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập được miễn thuế	(12.060.732.000)	(12.112.932.000)
Thu nhập tính thuế	13.429.896.990	5.592.012.220
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.685.979.398	1.230.242.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(615.356.798)	(363.747.795)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	21.153.650	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.091.776.250	866.494.893

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất
Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên
Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 4.000 VND/m³ với mức thuế suất 5% áp dụng trong 6 tháng đầu năm 2016 và mức thuế suất 8% áp dụng trong 6 tháng cuối năm 2016.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động
Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm. Chi tiết tiền lương còn phải trả cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.051.615.863	2.738.960.349
Nhà máy F17	3.533.662.095	3.368.821.597
Nhà máy F90	2.429.452.267	2.202.494.898
Nhà hàng Nha Trang Seafood	415.482.204	377.521.586
Cộng	9.430.212.429	8.687.798.430

	Số cuối năm	Số đầu năm
16. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.660.658.086	4.688.070.359
Chi phí lãi vay phải trả	471.199.389	248.198.044
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	795.687.950	3.763.648.643
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	393.770.747	676.223.672
Cộng	1.660.658.086	4.688.070.359

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác
17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	57.141.964.439	75.478.587.297
Ông Ngô Văn Ích - Cổ tức phải trả	27.842.686.648	36.466.127.193
Bà Đào Thị Minh Hương - Cổ tức phải trả	9.104.999.550	11.925.001.200
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Cổ tức phải trả	18.021.089.732	23.602.583.997
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	1.406.761.175	1.842.463.430
Ông Trần Thiện Tâm - Cổ tức phải trả	391.544.039	512.813.110
Thù lao Hội đồng quản trị	374.883.295	1.129.598.367
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	36.627.741.554	46.607.036.678
Kinh phí công đoàn	1.291.278.569	732.304.349
Bảo hiểm xã hội	70.829.473	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	34.282.914.356	44.901.023.070
Quỹ xóa đói giảm nghèo	293.507.524	293.507.524
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.040.064	18.030.167
Cộng	93.769.705.993	122.085.623.975

	Số cuối năm	Số đầu năm
17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan	57.141.964.439	75.478.587.297
Ông Ngô Văn Ích - Cổ tức phải trả	27.842.686.648	36.466.127.193
Bà Đào Thị Minh Hương - Cổ tức phải trả	9.104.999.550	11.925.001.200
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Cổ tức phải trả	18.021.089.732	23.602.583.997
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	1.406.761.175	1.842.463.430
Ông Trần Thiện Tâm - Cổ tức phải trả	391.544.039	512.813.110
Thù lao Hội đồng quản trị	374.883.295	1.129.598.367
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác	34.282.914.356	44.901.023.070
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	34.282.914.356	44.901.023.070
Cộng	91.424.878.795	120.379.610.367

	Số cuối năm	Số đầu năm
18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	354.151.334.925	199.729.102.500
Vay ngắn hạn ngân hàng	354.151.334.925	199.729.102.500
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾</i>	<i>81.106.548.480</i>	<i>113.498.302.500</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>187.168.134.931</i>	<i>72.878.535.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>85.876.651.514</i>	<i>13.352.265.000</i>
Cộng	354.151.334.925	199.729.102.500

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ 2,1%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	199.729.102.500	593.500.900.500
Số tiền vay phát sinh	1.011.979.960.873	729.141.077.373
Số tiền vay đã trả	(862.409.760.054)	(1.123.833.405.159)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	4.852.031.606	920.529.786
Số cuối năm	354.151.334.925	199.729.102.500

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.025.410	9.075.802.010	1.725.000	(5.405.037.000)	3.677.515.420
Quỹ phúc lợi	2.885.153	3.569.629.433	-	(1.683.281.677)	1.889.232.909
Cộng	7.910.563	12.645.431.443	1.725.000	(7.088.318.677)	5.566.748.329

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	188.000.000.000	17.957.399.540	236.685.911.896	442.643.311.436
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	20.682.608.893	20.682.608.893
Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	(3.420.000.000)	(3.420.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	(43.774.994.000)	(43.774.994.000)
Cổ tức từ năm 2012 đến 2014 còn phải trả	-	-	(119.250.012.000)	(119.250.012.000)
Số dư cuối năm trước	188.000.000.000	17.957.399.540	90.923.514.789	296.880.914.329
Số dư đầu năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	90.923.514.789	296.880.914.329
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	16.745.883.862	16.745.883.862
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	(8.902.582.168)	(8.902.582.168)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	(2.068.260.889)	(2.068.260.889)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	-	-	(1.674.588.386)	(1.674.588.386)
Trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	-	-	(18.800.000.000)	(18.800.000.000)
Phải trả thù lao HĐQT và BKS	-	-	(394.284.928)	(394.284.928)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	75.829.682.280	281.787.081.820

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngô Văn Ích	57.560.710.000	57.436.490.000
Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	37.209.940.000
Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	18.800.000.000
Các cổ đông khác	74.429.350.000	74.553.570.000
Cộng	188.000.000.000	188.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 29 tháng 4 năm 2016, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức của năm 2015 là 10% vốn chủ sở hữu.

Tình hình biến động về chi trả cổ tức của các năm như sau:

	Số cổ tức phải trả	Số cổ tức đã chi trả trong năm	Số cổ tức còn phải trả cuối năm
- Cổ tức năm 2012 (30% vốn chủ sở hữu)	31.425.006.000	31.425.006.000	-
- Cổ tức năm 2013 (40% vốn chủ sở hữu)	31.425.006.000	15.575.010.500	15.849.995.500
- Cổ tức năm 2014 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	-	56.400.000.000
- Cổ tức năm 2015 (10% vốn chủ sở hữu)	18.800.000.000	-	18.800.000.000
Cộng	138.050.012.000	47.000.016.500	91.049.995.500

Khoản cổ tức này đã được ghi nhận là nợ phải trả cho các cổ đông (xem thuyết minh V.17).

Ngoài ra, Công ty còn trích bổ sung các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Điều lệ hoạt động Công ty và trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm nay và các năm trước như sau:

	Số phải trích	Số đã trích năm trước	Số còn phải trích trong năm
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	12.322.582.168	3.420.000.000	8.902.582.168
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	2.068.260.889	-	2.068.260.889
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	1.674.588.386	-	1.674.588.386
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015	216.826.089	-	216.826.089
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016	177.458.839	-	177.458.839
Cộng	16.459.716.371	3.420.000.000	13.039.716.371

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	4.855.196,88	4.586.710,85

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

38

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	681.947.581	335.922.650
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	1.069.069.649.203	790.690.146.672
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	37.776.192.660	33.840.619.339
Cộng	1.107.527.789.444	824.866.688.661

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Onsen	255.998.919	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	4.863.182	-
Doanh thu dịch vụ khác	251.135.737	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	21.547.697.838
Giảm giá hàng bán	95.795.990	245.614.485
Cộng	95.795.990	21.793.312.323

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	673.220.581	333.683.149
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	997.714.692.189	687.008.191.320
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	14.535.627.403	10.854.668.422
Cộng	1.012.923.540.173	698.196.542.891

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.756.624.528	5.427.565.334
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.863.908	57.526.954
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	52.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.060.732.000	12.060.732.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.959.030.260	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.045.928.362
Cộng	28.803.250.696	23.643.952.650

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

39

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.545.435.905	10.293.796.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.102.070.127	16.101.826.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.990.440.841	-
Cộng	17.637.946.873	26.395.623.267

6. Chi phí bán hàng bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.598.617.279	9.218.238.388
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	865.730.412	803.338.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.238.552.853	1.273.441.554
Chi phí ngân hàng	2.563.500.660	2.310.681.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.402.987.304	28.386.362.293
- Chi phí tiền điện	6.964.644.668	6.427.677.849
- Chi phí thuê vận chuyển quốc tế	11.062.414.902	12.308.434.431
- Chi phí khác	12.375.927.734	-
Các chi phí khác	7.803.909.993	13.728.481.280
- Chi phí hoa hồng môi giới	4.769.563.719	-
- Chi phí khác	3.034.346.274	10.167.855.501
Cộng	53.473.298.501	55.720.543.948

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.732.890.091	10.930.337.737
Chi phí vật liệu quản lý	179.324.924	194.014.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.570.537.772	521.780.856
Thuế, phí và lệ phí	2.379.185.416	1.310.235.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.381.279	279.305.189
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	5.346.437.465	2.585.387.500
Các chi phí khác	11.106.143.833	9.626.805.886
Cộng	31.761.900.780	25.447.868.012

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	292.888.038	124.347.180
Thu tiền bán phế liệu thu hồi	93.110.500	180.342.862
Tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	3.236.750	174.319.993
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	39.006.656	49.527.409
Thu nhập khác	153.075.434	189.072.107
Cộng	581.317.378	717.609.551

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

40

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán phế liệu thu hồi	114.694.179	112.177.863
Chi phí bồi thường	323.392.485	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	42.836.211	13.073.132
Thuế GTGT không được hoàn	39.044.592	-
Chi phí khác	1.662.247.622	5.640
Cộng	2.182.215.089	125.256.635

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	624.088.747.006	479.062.974.835
Chi phí nhân công	104.763.993.888	91.879.627.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.888.960.197	9.482.571.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.206.195.250	33.594.322.245
Chi phí khác	41.360.175.531	42.659.686.754
Cộng	821.308.071.872	656.679.182.865

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng phí cấp quyền khai thác mỏ nước khoáng vào Công ty con	-	867.240.000
Nhận cổ tức bằng bù trừ nợ phải trả	24.121.464.000	65.992.846.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

41

BAO CAO TAI CHINH TONG HOP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt mà chỉ phát sinh giao dịch liên quan đến trả cổ tức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cổ tức phải trả	11.728.379.000	74.348.988.930
Công ty thanh toán cổ tức	29.310.286.786	-

trong năm là 11.728.379.000 VND (số năm trước là .

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	1.824.677.000	1.680.000.000
Tiền thưởng	93.000.000	273.591.000
Nhận tiền thù lao các năm trước	1.099.000.000	1.271.000.000
Cộng	3.016.677.000	3.224.591.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty con (xem thuyết minh số V.2b)
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Onsen		
Bán xe tải	77.272.727	-
Chi phí mua nước	142.347.156	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BAO CAO TAI CHINH TONG HOP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.4, V.5, V.12 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến thủy, hải sản và trong một khu vực địa lý là nước Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.556.494.503	-	-	176.556.494.503
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	341.050.000.000	-	-	341.050.000.000
Phải thu khách hàng	119.881.404.707	137.409.852	1.789.517.009	121.808.331.568
Các khoản phải thu khác	16.663.282.869	-	-	16.663.282.869
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	-	285.310.000
Cộng	654.436.492.079	137.409.852	1.789.517.009	656.363.418.940

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.340.934.392	-	-	185.340.934.392
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-	-	21.200.000.000
Phải thu khách hàng	317.123.203.670	137.409.852	1.789.517.009	319.050.130.531
Các khoản phải thu khác	25.080.999.831	-	-	25.080.999.831
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	-	285.310.000
Cộng	549.030.447.893	137.409.852	1.789.517.009	550.957.374.754

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	66.984.181
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	70.273.863	15.884.475
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	13.279.063	-
Quá hạn trên 3 năm	54.541.196	54.541.196
Cộng	138.094.122	137.409.852

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu từ một năm trở xuống, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	242.276.227.725	281.371.451.928
Vay và nợ	354.151.334.925	199.729.102.500
Các khoản phải trả khác	93.332.860.420	125.305.994.368
Cộng	689.760.423.070	606.406.548.796

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

BAO CAO TAI CHINH TONG HOP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.855.196,88	4.586.710,85
Phải thu khách hàng	5.095.704,71	14.128.168,61
Vay và nợ	(8.091.317,31)	(8.876.849,00)
Phải trả người bán	(10.915.261,00)	(11.420.155,49)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(9.055.676,72)	(1.582.125,03)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.113.088.366 VND (năm trước giảm/tăng 710.374.138 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.000.000.000	-	72.500.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	341.050.000.000	-	21.200.000.000	-
Vay và nợ	(354.151.334.925)	(10.915.261,00)	(199.729.102.500)	(8.876.849,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	39.898.665.075	(10.915.261,00)	(106.029.102.500)	(8.876.849,00)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	170.908.690.132	182.868.916.921
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	341.050.000.000	21.200.000.000
Phải thu khách hàng	121.808.331.568	319.050.130.531
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	285.310.000
Cộng	634.052.331.700	742.551.804.419

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.556.494.503	-	185.340.934.392	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	341.050.000.000	-	21.200.000.000	-
Phải thu khách hàng	121.808.331.568	(1.789.517.009)	319.050.130.531	(1.789.517.009)
Các khoản phải thu khác	16.663.282.869	-	25.080.999.831	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	285.310.000	-	285.310.000	-
Cộng	656.363.418.940	(1.789.517.009)	550.957.374.754	(1.789.517.009)

Nợ phải trả tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

46

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	242.276.227.725	281.371.451.928
Vay và nợ	354.151.334.925	199.729.102.500
Các khoản phải trả khác	93.332.860.420	125.305.994.368
Cộng	689.760.423.070	606.406.548.796

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nha Trang, ngày 08 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Dân Tiên
Người lập


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ich
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

47

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

NHA TRANG SEAFOODS - F17

NHA TRANG, NGÀY 19 THÁNG 04 NĂM 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Văn Ích





Địa chỉ: Số 58B đường Hai Tháng Tư – Phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (+84) 583.831.033

Fax: (+84) 583.831.034

Website: www.nhatrangseafoods.vn
